

Bản án số: 02/2021/LĐ-ST
Ngày: 03 - 02 – 2021
V/v: “T/c đòi tiền lương còn nợ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan

bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-LĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020; về tranh chấp “Đòi tiền lương còn nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2020/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lương Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nơi làm việc: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T; địa chỉ trụ sở: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: ông Trương Đức V, sinh năm 1979; chức danh: Tổng giám đốc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Việt Nam; chỗ ở hiện tại: Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 09 năm 2020, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lương Văn T trình bày: Ngày 05/01/2020, ông T có ký Hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T (sau đây gọi tắt là Công ty), sau đó ông T có vào làm việc tại Công ty từ ngày 27/02/2020 đến ngày 16/7/2020 thì ông Trương Đức V là Tổng giám đốc Công ty có thông báo cho ông T nghỉ việc vì lý do công trình tạm ngừng thi công, ông T

có yêu cầu Công ty phải trả ông số tiền lương mà Công ty còn nợ là 48.400.000 (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Do Công ty chưa trả số tiền này nên ông T có làm đơn trình tại Phòng lao động thương binh và xã hội quận Gò Vấp. Trong biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 30/7/2020 tại Phòng lao động thương binh và xã hội quận Gò Vấp thì đại diện của người sử dụng lao động là bà Đoàn Thị Thu H đã thừa nhận số tiền lương mà Công ty còn nợ ông T như trên và cam kết Công ty sẽ thanh toán cho ông T làm ba đợt như sau: đợt 1 vào ngày 25/8/2020 trả số tiền là 18.400.000 đồng; đợt 2 vào ngày 25/9/2020 trả số tiền là 15.000.000 đồng; đợt 3 vào ngày 10/11/2020 trả số tiền là 15.000.000 đồng, ông T đồng ý với phương án trả nợ lương này của Công ty. Nhưng do Công ty không thực hiện thỏa thuận trả nợ trong biên bản hòa giải nêu trên nên Phòng lao động thương binh và xã hội quận Gò Vấp có lập biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 07/9/2020 và hướng dẫn ông T khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp lao động với Công ty. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T phải trả ông T số tiền lương còn nợ là 48.400.000 đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), ông T không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền này. Nhưng nếu từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số nợ trên mà bị đơn vẫn không trả tiền thì số tiền còn nợ sẽ được tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày chậm trả tiền.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bị đơn không tới nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lương là 48.400.000 (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: ông Lương Văn T khởi kiện Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T (sau đây gọi tắt là Công ty) do vi phạm trong quan hệ lao động, đây là tranh chấp lao động, theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư

và Phát triển T (sau đây gọi tắt là Công ty) tới Tòa án tham gia tố tụng, nhưng bị đơn không tới Tòa án để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ các lời khai, các tài liệu ông T đã nộp cho Tòa án là: Hợp đồng lao động, Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 30/7/2020 tại Phòng lao động thương binh và xã hội quận Gò Vấp. Do Công ty có giao kết hợp đồng lao động với ông T và đã chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty đã thừa nhận còn nợ ông T số tiền lương là 48.400.000 đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Đến nay Công ty vẫn còn nợ ông T toàn bộ số tiền lương là 48.400.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở, do thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động khi Bộ luật lao động năm 2012 còn hiệu lực nên căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử thống nhất: buộc Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T phải trả ông T số tiền lương còn nợ là 48.400.000 đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí, do ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện nên Hội đồng xét xử không phải xét hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông T. Bị đơn phải chịu án phí là 1.452.000 đ (một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật lao động năm 2012;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T phải trả ông T số tiền lương còn nợ là 48.400.000 đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Lương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí lao động sơ thẩm: ông Lương Văn T không phải chịu án phí.

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển T phải chịu án phí là 1.452.000 đ (một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn